

Bản án số: 841/2024/DS-PT

Ngày 25-9-2024

Về việc: Tranh chấp thừa kế tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khương

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ

Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hữu Trung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Đoàn Văn Vâng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 772/2023/TLPT-DS ngày 04 tháng 12 năm 2023 về việc “Tranh chấp thừa kế tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 52/2022/DS-ST ngày 06-9-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2885/2024/QĐ-PT ngày 06 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Chương Nam P, sinh năm 1951; địa chỉ: Ở đường số H, Khu đô thị E, đường M, phường D, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- **Bị đơn:** Ông Chương Hữu L, sinh năm 1962 (chết ngày 25/5/2022).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông L: Chị Chương Ngọc Bảo T, sinh năm 2000; địa chỉ: Số F (số G cũ), Quốc lộ A, khóm C, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà T: Ông Lê Đắc T1, sinh năm 1991; địa chỉ: Số A, đường N, khóm C, phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (Văn bản ủy quyền ngày 15/6/2022) (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông L: Ông Bạch Sỹ C, Luật sư của Văn phòng L2, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh S (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Chương Nam H (H. Chuong), sinh năm 1948; địa chỉ: Số I Mossy Tree Ln Houston T - 5734 USA (vắng mặt).

2. Ông Chương Kim A, sinh năm 1953; địa chỉ: Số A, đường H, phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (xin xét xử vắng mặt).

3. Bà Chương Thị Kim T2, sinh năm 1955; địa chỉ: Số C, đường Đ, khóm C, phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (xin xét xử vắng mặt).

4. Bà Chương Thị Hồng V, sinh năm 1957; địa chỉ: Số E, đường N, khóm D, phường I, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (xin xét xử vắng mặt).

5. Bà Chương Thị Huyền N, sinh năm 1963; Địa chỉ: Số A, đường X, khóm D, phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (xin xét xử vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của bà N: Ông Trần Hoàn T3, sinh năm 1962; địa chỉ: Số A, đường X, khóm D, phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 18/3/2020) (có mặt).

6. Bà Chương Thị Cẩm H1, sinh năm 1966; địa chỉ: Số F, Quốc lộ A, khóm C, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (xin xét xử vắng mặt).

7. Bà Nguyễn Thị Tuyết N1, sinh năm 1981; địa chỉ: Số G, Quốc lộ A, khóm C, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

8. Bà Nguyễn Thị Mỹ H2, sinh năm 1964; địa chỉ: Số G, Quốc lộ A, khóm C, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

9. Bà Nguyễn Thị Hoàng Y; địa chỉ: Số G, Quốc lộ A, khóm C, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

10. Ông Nguyễn Minh P1; địa chỉ: Số G, Quốc lộ A, khóm C, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

11. Ông Dương Thanh D; địa chỉ: Số G, Quốc lộ A, khóm C, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

12. Ông Đặng Anh K; địa chỉ: Số G, Quốc lộ A, khóm C, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

13. Bà Thị X. Địa chỉ: Số B, đường N, khóm E, phường G, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

14. Chị Chương Ngọc Bảo T, sinh năm 2000; địa chỉ: Số F (74 cũ), Quốc lộ A, khóm C, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của bà T: Ông Lê Đắc T1, sinh năm 1991; địa chỉ: Số A, đường N, xóm C, phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 17/6/2020) (có mặt).

15. Ông Đinh Quốc T4, sinh năm 1974; địa chỉ: Số F (74 cũ), Quốc lộ A, xóm C, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

16. Ông Nguyễn Duy T5, sinh năm 1963 (vắng mặt).

17. Ông Nguyễn Chương Bá T6, sinh năm 2003 (vắng mặt).

18. Ông Nguyễn Chương Vĩnh T7, sinh năm 2005 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số F, Quốc lộ A, xóm C, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

Người có kháng cáo: chị Chương Ngọc Bảo T là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Nguyễn Hữu L1 kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/6/2019, nguyên đơn ông Chương Nam P trình bày:

Cha mẹ ông P là cụ Chương T8 và cụ Trương Thị Kim G.

Cụ T8 và cụ G có 08 người con, gồm: Ông Chương Nam H, ông Chương Nam P, ông Chương Kim A, bà Chương Thị Kim T2, bà Chương Thị Hồng V, ông Chương Hữu L, bà Chương Thị Huyền N và bà Chương Thị Cẩm H1.

Khi còn sống 02 cụ có tạo lập được diện tích 4.745m² (200m² đất ODT, còn lại là đất LNK) thửa đất số 27, tờ bản đồ số 26, tọa lạc tại Quốc lộ A, xóm C, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Năm 1996, cụ Chương T8 chết; Năm 1999 cụ Trương Thị Kim G chết không để lại di chúc.

Sau khi cha mẹ chết ông L tự ý sử dụng đến nay, anh em trong gia đình nhiều lần yêu cầu chia thừa kế nhưng ông L ngăn cản, không đồng ý. Nên đến nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nay ông P yêu cầu chia thừa kế di sản nêu trên của cha mẹ để lại như sau:

Trừ diện tích đất Khu lăng mộ và đường đi từ quốc lộ A vào đến Khu đất lăng mộ ra, phần diện tích đất còn lại đề nghị Tòa án chia bằng hiện vật thành 08 phần bằng nhau, cho 08 người anh em trong gia đình.

- Tại Tờ phúc đáp ngày 09/02/2020, bị đơn ông Chương Hữu L trình bày:

Vào năm 1975, cha mẹ ông nhận chuyển nhượng của bà Thị X, là đất hoang (phần đất tranh chấp hiện nay). Do ông là con trai út sống chung với cha mẹ nên khi ông lớn lên thì được cha mẹ giao cho quản lý, sử dụng thửa đất này, khi cha mẹ chết ông lập gia đình và xây dựng trên đất này một căn nhà cấp 4 để ở, khi đó tất cả các anh, em ông đều biết nhưng không ai phản đối hay tranh chấp gì. Mặt khác, theo ý nguyện của cha mẹ ông muốn giữ lại một phần diện tích đất phía sau để chôn cất cha mẹ và người thân.

Phần đất này trước tiếp thu là đất ruộng, gia đình bà Thị X bỏ hoang, không sử dụng, chế độ cũ làm đường Quốc lộ đã lấy đất đắp lộ thành mương rãnh nhiều, nên ông phải thuê người phát hoang khu đất, thuê anh em của Công ty trách nhiệm hữu hạn L3 và một số người khác đổ đất nhiều lần trên 400 xe đất các loại (loại 6m³/xe, tương đương khoảng 2.500m³ đất) để san lấp mặt bằng, mương rãnh thì mới được bằng phẳng cất nhà và sử dụng được như ngày hôm nay. Sau khi san lấp mặt bằng, ông đã cho người thuê đất để lấy thêm chi phí tu bổ thêm thửa đất, lo sửa sang mộ phần vào tiết thanh minh và chi phí đám giỗ cha mẹ hằng năm thì tất cả các anh, em cũng không ai phản đối.

Ông không có ý định chiếm lấy toàn bộ thửa đất này để làm của riêng. Vào đám giỗ đầu tiên của mẹ vào năm 2000, có mặt đầy đủ anh, em thì ông đã yêu cầu chia phần đất này cho tất cả các anh, chị, em bằng hình thức bốc thăm nhưng do không thống nhất với vị trí của từng lô nên việc chia không thực hiện được.

Nay ông P yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật thì ông cũng đồng ý và ông có yêu cầu cụ thể như sau:

Trừ diện tích đất Khu lăng mộ và đường đi từ quốc lộ A vào đến Khu đất lăng mộ ra, phần diện tích đất còn lại đề nghị Tòa án chia bằng hiện vật thành 09 phần bằng nhau. Chia cho mỗi người hưởng 01 phần, riêng ông được hưởng thêm 01 phần do có công sức tôn tạo, bảo quản đất trong thời gian 20 năm.

- Tại Biên bản lấy khai ngày 17/5/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Chương Thị Cẩm H1 trình bày:

Bà đồng ý chia thừa kế theo pháp luật đối với tài sản của cha mẹ bà chết để lại và yêu cầu nhận hiện vật tại vị trí nhà bà đang ở. Bà đồng ý tách phần đất mồ mả phía sau không yêu cầu chia thừa kế mà để quản lý chung, không đồng ý giao cho riêng ai.

Đối với kỹ phần của ông H đang ở nước ngoài nên chia đều cho các anh, em và các anh, em sẽ trả lại giá trị kỹ phần thừa kế cho ông H.

- Tại Biên bản làm việc ngày 29/4/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Chương Kim A, bà Chương Thị Hồng V và người đại diện theo ủy quyền của bà N là ông Trần Hoàn T3 trình bày:

Thông nhất trừ diện tích đất Khu lãng mộ và đường đi từ quốc lộ A vào đến Khu đất lãng mộ ra. Phần diện tích đất còn lại đề nghị Tòa án chia bằng hiện vật thành 08 phần bằng nhau. Chia cho mỗi người hưởng 01 phần.

Đối với kỹ phần của ông H đang ở nước ngoài thì chia đều cho các anh, em và các anh, em sẽ trả lại giá trị kỹ phần thừa kế cho ông H.

- Tại Biên bản lấy khai ngày 17/5/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Mỹ H2 trình bày:

Bà thuê nhà của ông L vào năm 2017, nhưng nhà cũ đã bị hư hỏng, đến năm 2019 bà mới xây dựng lại trước khi Tòa án xuống thẩm định, chi phí xây nhà và làm mái che là 70.000.000 đồng. Trước đây bà và ông L có làm hợp đồng thuê, nhưng từ khi tranh chấp đến nay thì hai bên thỏa thuận miệng và bà trả cho ông L tiền thuê mỗi tháng là 1.800.000 đồng.

Đối với yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn bà không có ý kiến, nhưng nếu người nào nhận hiện vật tại vị trí nhà bà thuê thì bà đồng ý thương lượng để tiếp tục thuê, còn không thì bà đề nghị chủ sở hữu mới thanh toán chi phí mà bà đã bỏ ra xây dựng theo giá Tòa án đã định giá, căn nhà này chỉ có một mình bà thuê.

Hiện nay, bà Nguyễn Thị Hoàng Y và ông Dương Thanh D là người thuê phía sau đã trả lại không thuê nữa.

- Tại Biên bản lấy khai ngày 17/5/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Tuyết N1, ông Đinh Quốc T4 trình bày:

Vợ chồng ông bà thuê đất của ông Chương Hữu L vào năm 2009 với diện tích ngang 10m, dài 30m, giá thuê 05 năm đầu mỗi tháng là 3.000.000 đồng. Sau đó, thì có lên giá từng năm, hiện tại mỗi tháng là 5.000.000 đồng. Có lập Hợp đồng, thời hạn thuê từ ngày 01/5/2009 đến ngày 01/5/2014. nhưng từ khi tranh chấp đến nay chỉ thỏa thuận miệng.

Khi bà thuê năm 2009 đất thấp và ao phía sau, nên bà đổ đất lấp nền và xây dựng nhà xưởng, nhà xưởng này do bà cùng chồng bà tên Đinh Quốc T4 đầu tư xây dựng.

Đối với yêu cầu chia thừa kế ông bà không có ý kiến, nhưng nếu ai nhận đất tại vị trí nhà xưởng của bà thì bà đồng ý thương lượng với chủ sở hữu mới để tiếp tục thuê, còn nếu không tiếp tục cho thuê thì bà yêu cầu trả lại chi phí san lấp nền và xây dựng nhà xưởng và bà sẽ yêu cầu sau.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 52/2022/DS-ST ngày 06-9-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Chương Nam P. Chia thừa kế tài sản của cụ Chương T8 và cụ Trương Thị Kim G như sau:

1. Chia cho ông C1 Nam Phén phần đất (tại vị trí số 7 trên sơ đồ hiện trạng thửa đất) có diện tích 482m² (trong đó có 40m² đất ODT, còn lại là đất trồng cây lâu năm);

2. Chia cho bà Chương Thị Huyền N phần đất (tại vị trí số 6 trên sơ đồ hiện trạng thửa đất), có diện tích 482m² (trong đó, đất thổ cư có diện tích 40m², đất cây lâu năm);

3. Chia cho bà Chương Thị Cẩm H1 phần đất (tại vị trí số 5 trên sơ đồ hiện trạng thửa đất), có diện tích 482m² (trong đó, đất thổ cư có diện tích 40m², đất cây lâu năm);

4. Chia cho ông Chương Hữu L phần đất (tại vị trí số 4 trên sơ đồ hiện trạng thửa đất), có diện tích 622,1m² (trong đó có 40m² đất ODT, còn lại là đất trồng cây lâu năm);

5. Chia cho ông C1 Kim An phần đất (tại vị trí số 3 trên sơ đồ hiện trạng thửa đất), có diện tích 550m² (trong đó có 40m² đất ODT, còn lại là đất trồng cây lâu năm);

6. Chia cho bà Chương Thị Kim T2 phần đất (tại vị trí số 2 trên sơ đồ hiện trạng thửa đất), có diện tích 550m² (trong đó có 40m² đất ODT, còn lại là đất trồng cây lâu năm);

7. Chia cho bà Chương Thị Hồng V phần đất (tại vị trí số 1 trên sơ đồ hiện trạng thửa đất), có diện tích 550m² (trong đó có 40m² đất ODT, còn lại là đất trồng cây lâu năm).

- Giao cho các đồng thừa kế của cụ Chương T8 và cụ Trương Thị Kim G quản lý sử dụng chung diện tích đất khu mồ mả phía trong có diện tích 1.211,9m² và lối đi vào phần đất mồ mả có chiều ngang giáp Quốc lộ A là 2,13m và chiều ngang sau giáp phần đất mồ mả là 2,12m, có diện tích 159,5m².

(Đính kèm sơ đồ hiện trạng thửa đất ngày 30/8/2022).

1.2. Về trả giá trị kỷ phần thừa kế như sau:

- Buộc ông Chương Kim A trả cho ông Chương Hữu L (được chuyển tiếp cho bà Chương Ngọc Bảo T) với số tiền 167.099.123 đồng (một trăm sáu mươi bảy triệu, không trăm chín mươi chín nghìn, một trăm hai mươi ba đồng) và trả cho ông Chương Nam H (H. Chuong) số tiền 620.536.466 đồng (sáu trăm hai mươi triệu, năm trăm ba mươi sáu nghìn, bốn trăm sáu mươi sáu đồng).

- Buộc ông Chương Nam P trả cho ông Chương Nam H (H. Chuong) số tiền 239.675.589 đồng (hai trăm ba mươi chín triệu, sáu trăm bảy mươi lăm nghìn, năm trăm tám mươi chín đồng).

- Buộc bà Chương Thị Huyền N trả cho ông Chương Nam H (H. Chuong) số tiền 236.750.589 đồng (hai trăm ba mươi sáu triệu, bảy trăm năm mươi nghìn, năm trăm tám mươi chín đồng).

- Buộc bà Chương Thị Cẩm H1 trả cho ông Chương Nam H (H. Chuong) số tiền 243.185.589 đồng (hai trăm bốn mươi ba triệu, một trăm tám mươi lăm nghìn, năm trăm tám mươi chín đồng).

- Buộc bà Chương Thị Kim T2 trả cho ông Chương Nam H (H. Chuong) số tiền 570.805.589 đồng (năm trăm bảy mươi triệu, tám trăm linh năm nghìn, năm trăm tám mươi chín đồng).

- Buộc bà Chương Thị Hồng V trả cho ông Chương Nam H (H. Chuong) số tiền 562.615.589 đồng (năm trăm sáu mươi hai triệu, sáu trăm mười lăm nghìn, năm trăm tám mươi chín đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí, chi phí tố tụng, lãi suất chậm thanh toán và quyền kháng cáo.

Ngày 19/9/2022, chị Chương Ngọc Bảo T là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông L kháng cáo đề nghị sửa bản bản sơ thẩm, như sau:

Trừ diện tích đất Khu lăng mộ và đường đi từ quốc lộ A vào đến Khu đất lăng mộ ra, phần diện tích đất còn lại đề nghị Tòa án đo đạc lại, chia bằng hiện vật cho mỗi người hưởng 01 kỷ phần, riêng ông L được hưởng thêm 01 kỷ phần do có công sức tôn tạo, bảo quản đất trong thời gian 20 năm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị, chấp nhận kháng cáo của bị đơn theo hướng như sau: Trừ diện tích đất Khu lăng mộ và đường đi từ quốc lộ A vào đến Khu đất lăng mộ ra, phần diện tích đất còn lại đề nghị Tòa án chia bằng hiện vật thành 09 phần bằng nhau. Chia cho mỗi người hưởng 01 phần, riêng ông L được hưởng thêm 01 phần do có công sức tôn tạo, bảo quản đất trong thời gian 20 năm. Riêng kỷ phần thừa kế của ông H hiện đang ở nước ngoài đề nghị Tòa án giao cho ai trong hàng thừa kế quản lý giúp cho ông H cũng được. Riêng đối với các Hợp đồng thuê nhà hiện nay đã hết hạn thuê và cũng không có ai tranh chấp, nếu sau này có tranh chấp sẽ giải quyết sau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng như sau: Trừ diện tích đất Khu lăng mộ và đường đi từ quốc lộ A vào đến Khu đất lăng ra, phần diện tích đất còn lại đề nghị Tòa án chia bằng hiện vật thành 09 phần bằng nhau. Chia cho mỗi người hưởng 01 phần, riêng ông L được hưởng thêm 01 phần do có công sức tôn tạo, bảo quản đất trong thời gian 20 năm.

Riêng kỹ phần thừa kế của ông H hiện đang ở nước ngoài đề nghị giao cho một người trong hàng thừa kế quản lý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về tố tụng:**

[1] Đơn kháng cáo của chị Chương Ngọc Bảo T là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Chương Hữu L là trong hạn, hợp lệ nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

*** Về nội dung:**

[2] Tại phiên tòa cấp sơ thẩm và tại phiên tòa cấp phúc thẩm các đương sự đều trình bày thống nhất nội dung sau: Cụ Chương T8 và cụ Trương Thị Kim G là vợ chồng, sinh được 08 người con, gồm: Ông Chương Nam H, ông Chương Nam P, ông Chương Kim A, bà Chương Thị Kim T2, bà Chương Thị Hồng V, ông Chương Hữu L, bà Chương Thị Huyền N và bà Chương Thị Cẩm H1. Khi còn sống 02 cụ có tạo lập được diện tích 4.745m² (200m² đất ODT, còn lại là đất LNK) thửa đất số 27, tờ bản đồ số 26, tọa lạc tại Quốc lộ A, khóm C, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng trong đó có diện tích đất khu mộ gia đình và diện tích đất đường đi vào mộ. Năm 1996, cụ Chương T8 chết; Năm 1999 cụ Trương Thị Kim G chết không để lại di chúc. Sau khi cụ T8 và cụ G chết, ông L là người quản lý.

[3] Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử công nhận các tình tiết trên là sự thật, các đương sự không phải chứng minh.

[4]. Tòa án cấp sơ thẩm xác định 08 người con của cụ T8 và cụ G, gồm: Ông Chương Nam H, ông Chương Nam P, ông Chương Kim A, bà Chương Thị Kim T2, bà Chương Thị Hồng V, ông Chương Hữu L, bà Chương Thị Huyền N và bà Chương Thị Cẩm H1 được hưởng thừa kế diện tích 4.745m² của cụ T8 và tính công sức đóng góp cho ông L bằng ½ kỹ phần thừa kế là có căn cứ.

[5]. Tuy nhiên, việc Tòa án cấp sơ thẩm chia bằng hiện vật (07 thửa đất) có hình thể cong lệch làm cho việc sử dụng bị hạn chế và làm giảm giá trị của từng thửa đất. Hơn nữa, sau khi Tòa án cấp phúc thẩm đã ủy thác đo vẽ lại thành 08 thửa và ½ của 01 thửa đất có tứ cận là đường thẳng thì không đủ diện tích đất tối thiểu để tách thửa. Theo quy định của Điều 143, Điều 144 của Luật Đất đai năm 2013 và khoản 2 Điều 220 của Luật Đất đai năm 2024 (có hiệu lực ngày 01/8/2024) và Quyết định số 36/QĐ9-UBND ngày 28-12-2020 của UBND tỉnh S quy định về điều kiện tách thửa thì 4.745m² nêu trên không đủ diện tích tối thiểu để chia bằng hiện vật.

[6]. Theo Sơ đồ hiện trạng thửa đất ngày 10/9/2024 của do Công ty TNHH H3 đo đạc lại thể hiện: Tổng diện tích là 5.047,98m². Trong đó có diện tích Khu mộ gia đình là 1.211,1m² và diện tích 258 m² đất làm đường đi nội bộ vào khu mộ gia đình. Các đương sự đều thống nhất trừ diện tích đất mộ và đường đi ra, còn lại 3.578,88m² (trong đó có 200m² đất ở) là di sản của cụ T8 và cụ G. Như vậy di sản của cụ T8 và cụ G để lại là 3.578,88m² (trong đó có 200m² đất ở).

[7]. Tại phiên tòa phúc thẩm không có đương sự nào có nguyện vọng nhận toàn bộ diện tích đất nêu trên để hoàn lại giá trị cho các đồng thừa kế khác. Căn cứ vào Điều 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015 giao di sản 3.578,88m² là di sản của cụ T8 và cụ G cho Cơ quan Thi hành án Dân sự bán đấu giá để chia bằng giá trị cho các đồng thừa kế theo tỷ lệ như Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định (gồm 8,5 kỷ phần).

[8]. Xét ông Chương Hữu L, là người sống chung và trực tiếp chăm sóc cụ T8 và cụ G khi già yếu và cùng 02 cụ quản lý diện tích đất cho đến khi 02 cụ qua đời. Sau khi cụ T8 và cụ G chết (từ năm 1999 đến nay) ông L vẫn là người quản lý. Lẽ ra, ông L được hưởng công sức chăm sóc cha mẹ khi già yếu và có công quản lý, tôn tạo làm tăng giá trị của đất bằng 01 kỷ phần thừa kế, nhưng trong quá trình quản lý đất ông L đã xây dựng 04 căn nhà để cho thuê lấy tiền, số tiền cho thuê này các đồng thừa kế khác không ai yêu cầu chia thừa kế nên Tòa án cấp sơ thẩm tính công sức đóng góp cho ông L thêm $\frac{1}{2}$ kỷ phần thừa kế là đã đảm bảo quyền lợi cho ông L. Do đó kháng cáo của chị Chương Ngọc Bảo T là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông L yêu cầu tính cho ông L được hưởng công sức đóng góp bằng 01 kỷ phần thừa kế là không có căn cứ chấp nhận.

[9]. Do ông Chương Nam H hiện nay đang sinh sống tại Hoa Kỳ, Tòa án cấp sơ thẩm đã ủy thác ra nước ngoài cho ông H nhưng không có kết quả nên cần giao kỷ phần thừa kế của ông H được hưởng cho các đồng thừa kế trong nước quản lý đến khi ông H về nước thì phải giao lại cho ông H.

[10]. Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của chị T, sửa một phần Bản án sơ thẩm để chia theo giá trị là có căn cứ.

[11]. Riêng đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát và của luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị đơn ông Chương Hữu L đề nghị tính công sức quản lý di sản thừa kế cho ông L thêm 01 kỷ phần thừa kế là không có căn cứ chấp nhận, như đã nhận định tại mục [8] nêu trên.

[12]. Án phí dân sự phúc thẩm: Do đó kháng cáo của chị Chương Ngọc Bảo T được chấp nhận sửa một phần bản án sơ thẩm nên không phải chịu án phí phúc thẩm.

[13]. Chi phí đo đạc, thẩm định lại tại cấp phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo về chia lại bằng hiện vật của chị Chương Ngọc Bảo T không được chấp nhận nên chị T9 phải chịu.

[14]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của chị Chương Ngọc Bảo T là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Chương Hữu L.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 52/2022/DS-ST ngày 06-9-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Căn cứ Điều 612, 613, 616, 618, Điều 650, Điều 651 và 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015; căn cứ điểm d khoản 1 Điều 100 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 220 của Luật Đất đai năm 2024 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Chương Nam P về chia thừa kế.

1. Xác định di sản của Cụ Chương T8 và cụ Trương Thị Kim G là diện tích 3.578,88m² (200m² đất ODT, còn lại là đất LNK) thửa đất số 27, tờ bản đồ số 26, tọa lạc tại Quốc lộ A, khóm C, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (Theo Sơ đồ hiện trạng thửa đất ngày 10/9/2024 của do Công ty TNHH H3).

2. Chia thừa kế di sản nêu trên thành 08 kỷ phần và ½ của 01 kỷ phần (Tám phần rưỡi). Cụ thể như sau:

- Chia cho ông C1 Nam Hòa 01 kỷ phần. Phần thừa kế của ông Chương Nam H giao cho ông C1 Nam Phén quản lý, khi nào ông H về Việt Nam thì ông P phải giao trả lại cho ông H.

- Chia cho Chương N2 Phén 01 kỷ phần;

- Chia cho ông C1 Kim An 01 kỷ phần;

- Chia cho bà Chương Thị Kim T2 01 kỷ phần;

- Chia cho bà Chương Thị Hồng V 01 kỷ phần;

- Chia cho bà Chương Thị Huyền N 01 kỷ phần;

- Chia cho bà Chương Thị Cẩm H1 01 kỷ phần;

- Chia cho ông Chương Hữu L 01 kỷ phần và 1/2 của 01 kỷ phần (một phần rưỡi). Phần thừa kế của ông Chương Hữu L giao cho chị Chương Ngọc Bảo T quản lý;

3. Các căn nhà trên đất của bà Chương Thị Cẩm H1 và của ông Chương Hữu L, bà Chương Thị Cẩm H1 và chị Chương Ngọc Bảo T (con gái ông Chương Hữu L) phải tự tháo dỡ hoặc phá bỏ để bàn giao diện tích đất nêu trên cho Cơ quan Thi hành án bán đấu giá.

4. Giao cho Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền bán đấu giá diện tích 3.578,88m² đất nêu trên và chia bằng giá trị bằng tiền cho các đồng thừa kế theo tỷ lệ đã chia nêu trên.

5. Giao cho các đồng thừa kế của cụ Chương T8 và cụ Trương Thị Kim G quản lý và sử dụng chung diện tích Khu mộ gia đình có diện tích 1.211,1m² và diện tích 258 m² đất làm đường đi vào Khu mộ gia đình (Theo Sơ đồ hiện trạng thửa đất ngày 10/9/2024 của do Công ty TNHH H3).

6. Án phí dân sự phúc thẩm chị Chương Ngọc Bảo T không phải chịu. Trả lại cho chị Chương Ngọc Bảo T 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số: 0002478 ngày 20/9/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng.

7. Chi phí đo đạc, thẩm định lại tại cấp phúc thẩm: chị Chương Ngọc Bảo T phải chịu số tiền 20.550.000đ (hai mươi triệu, năm trăm, năm mươi nghìn đồng) chị T đã nộp xong.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

(Đính kèm theo Bản án này là 01 Sơ đồ hiện trạng thửa đất ngày 10/9/2024 của do Công ty TNHH H3).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSNDCC tại TPHCM;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VP, ĐTTB (19b).

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Khương